

**DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NĂM 2026**

STT	Số hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Năm sinh		Quê quán	Trình độ CM (Ghi rõ ngành đào tạo)	Địa chỉ thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
			Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		Bác sỹ								
2	2	Dương Chí Vũ	2002		Quảng Nam	Bác sỹ Răng-Hàm-Mặt	Số 5, KDC 2, Ấp Tân Lập, xã Thông Nhất, TP.Đồng Nai	77.00		77.00
1	1	Nguyễn Giao Linh	1993		Nghệ An	Bác sỹ Y khoa	42 Lê Trọng Tấn, Bình Dương 7, Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh	68.33		68.33
3	3	Nguyễn Hoàng Kiều Oanh		2002	TP. Hồ Chí Minh	Bác sỹ y khoa	Ấp 1, xã Tà Lài, TP.Đồng Nai	82.33		82.33
4	4	Nguyễn Viết Nam	2001		TP.Huế	Bác sỹ y khoa	KP Hiệp Quyết, xã Định Quán, TP.Đồng Nai	68.33		68.33
5	5	Nguyễn Thúc Nguyên	1999		Nghệ An	Bác sỹ Y khoa	Thôn An Phú Phong, xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk	62.67		62.67
6	6	Đinh Ngọc Hạnh	1999		TP. Đồng Nai	Bác sỹ y khoa	Ấp Gia Yên, xã Gia Kiêm, TP. Đồng Nai	0.00		0.00
7	7	Tạ Thị Hiền		2001	TP.Hà Nội	Bác sỹ y khoa	Thôn Thường Tín, xã Đa Tềh 3, tỉnh Lâm Đồng	83.33		83.33
		Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học								
8	1	Bùi Lê Quỳnh Hương		2002	Nghệ An	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	Ấp Hiệp Quyết, Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	68.33		68.33
9	2	Nguyễn Thị Như Lý		1995	Hà Tĩnh	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	Tổ 26, KP 16, Phường Quy Nhơn, Gia Lai	60.00		60.00
		Cử nhân điều dưỡng								
10	1	Phan Thị Quỳnh Thơ		2004	Hà Tĩnh	Cử nhân điều dưỡng	Thôn Kim Sơn, xã Kỳ Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	48.67		48.67
		Cao đẳng điều dưỡng								
11	1	Nguyễn Thị Kim Thoa		1993	TP. Đồng Nai	Cao đẳng điều dưỡng	128 Phú An, xã Nam Cát Tiên, Tp.Đồng Nai	61.67		61.67

STT	Số hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Năm sinh		Quê quán	Trình độ CM (Ghi rõ ngành đào tạo)	Địa chỉ thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
			Nam	Nữ						
12	2	Hoàng Thị Hương Giang		2005	Khánh Hoà	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Tổ 6, KP1, phường Tân Phú, TP.Đồng Nai	63.33		63.33
13	3	Nguyễn Thị Thêu		1993	Hải Phòng	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Áp Hiệp Tâm, xã Định Quán, TP Đồng Nai	66.67		66.67
14	4	Lê Thị Kim Thanh		1990	Vĩnh Long	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Áp 120, xã Phú Vinh, TP Đồng Nai	63.33		63.33
15	5	Tô Thái Hà		1989	Hung Yên	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Áp Phú Hoà 2, xã Phú Hoà, TP Đồng Nai	86.00		86.00
16	6	Trần Thị Ngọc Trâm		2005	Quảng Ngãi	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	KP 3, phường Tân Phú, Tp Đồng Nai	68.33		68.33
17	7	Trương Ngọc Tường Vy		2003	Tây Ninh	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Áp Thuận Tùng, xã Định Quán, TP Đồng Nai	48.33		48.33
18	8	Nguyễn Văn Trường	1991		Hà Tĩnh	Cao đẳng điều dưỡng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Áp Gia canh 5, Xã Định Quán, TP. Đồng Nai	58.33	2.5	60.83
		Cao đẳng Hộ sinh								
19	1	Nguyễn Lê Tuyết Như		2005	Đồng Tháp	Cao đẳng Hộ sinh và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành	Tổ 6, ấp La Ngà, xã Định Quán, TP Đồng Nai	48.33		48.33
		Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng								
20	1	Nguyễn Thị Thảo My		1999	TP Đà Nẵng	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Áp Phú Hiệp, xã Định Quán, TP Đồng Nai	65.00		65.00
		Dược sĩ Đại học								
21	1	Nguyễn Thị Hồng Vy		1999	Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	Áp 1, xã Tà Lài, TP Đồng Nai	58.33		58.33
22	2	Nguyễn Mạnh Trí	1996		TP Hồ Chí Minh	Dược sĩ Dược học	Phố 3, ấp 115, xã Phú Vinh, TP Đồng Nai	78.33		78.33
		Kỹ sư thiết bị y tế								
23	1	Đặng Ngọc Duy	1999		Nghệ An	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Số nhà 242, Tổ 7, ấp Hiệp Quyết, xã Định Quán, TP Đồng Nai	72.33		72.33
		Cử nhân Công nghệ thông tin								
24	1	Phan Ngọc Cường	1984		Đồng Nai	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Áp Hiệp Tâm, xã Định Quán, TP Đồng Nai	76.67		76.67
25	2	Phan Thế Khánh	2003		Hà Tĩnh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Áp Cao Cang 3, xã Định Quán, TP Đồng Nai	71.00		71.00

STT	Số hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Năm sinh		Quê quán	Trình độ CM (Ghi rõ ngành đào tạo)	Địa chỉ thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
			Nam	Nữ						
26	3	Nguyễn Hoàn Thịnh	2004		TP Huế	Cử nhân Công nghệ thông tin	4/6 ấp La Ngà, xã Định Quán, TP Đồng Nai	68.33		68.33
27	4	Hà Trung Hiếu	2002		TP Cần Thơ	Cử nhân ngành Khoa học máy tính	Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, TP Đồng Nai	73.33		73.33
28	5	Nguyễn Trọng Nghĩa	1989		Ninh Bình	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ấp Gia canh 1, xã Định Quán, TP Đồng Nai	72.67		72.67
		Cử nhân Y tế công cộng								
29	1	Triệu Quốc Hưng	1983		TP Hồ Chí Minh	Cử nhân Y tế công cộng	Đường 412, ấp 3, xã Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	48.33		48.33
		Cử nhân Luật								
30	1	Phan Nguyễn Minh Nhật	1997		TP Huế	Cử nhân Luật	Tổ 1, ấp Hồ Trung, xã Định Quán, TP Đồng Nai	60.33		60.33
31	2	Nguyễn Thanh Ngọc		1998	Ninh Bình	Cử nhân Luật	Ấp Hiệp Quyết, Xã Định Quán, TP Đồng Nai	64.33		64.33

Định Quán, ngày 24 tháng 09 năm 2026

CT. HỘI ĐỒNG



Tạ Quang Trí
GIÁM ĐỐC BV